

QUẢN LÝ HIỆU QUẢ NGUỒN LỰC THÔNG TIN TRONG THƯ VIỆN ĐẠI HỌC

LÊ QUỲNH CHI*

TÓM TẮT

Bài viết trình bày một số khái niệm cơ bản liên quan đến việc quản lý hiệu quả nguồn lực thông tin trong thư viện (TV) đại học. Bên cạnh đó, bài viết cũng đánh giá thực trạng quản lý nguồn lực thông tin trong các TV Việt Nam, đồng thời đề xuất một số ý kiến để quản lý hiệu quả nguồn lực thông tin trong TV đại học.

Từ khóa: quản lý hiệu quả, nguồn lực thông tin, thư viện đại học.

ABSTRACT

The effective management of information resources in university libraries

The article presents some basic concepts related to the effective management of information resources in university libraries such as information resources in libraries, information resources management and effective management of information resources in university libraries. Also, the article shows an overview of resources management in the libraries as well as analyzes and assesses the reality of information resources management in Vietnam libraries. Finally, the author proposes some ideas for effective management of information resources in university libraries.

Keywords: effective management, information resources, university libraries.

1. Đặt vấn đề

Thế kỉ XXI, thế kỉ đang biến đổi sâu sắc, toàn diện, chuyển biến từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức, trong đó thông tin tri thức trở thành nguồn tài nguyên quý báu và là động lực phát triển kinh tế xã hội của bất cứ quốc gia nào. Sự đa dạng và phong phú của thông tin đã đưa đến cho nhân loại nhiều cơ hội mới để phát triển, song cũng đặt ra cho con người không ít khó khăn và thách thức. Chúng ta đã và đang phải đối mặt với sự mâu thuẫn giữa bùng nổ thông tin và khả năng kiểm soát thông tin của con người. Thông tin được coi là một nguồn tài nguyên quý giá cần được quản

lí như các nguồn lực khác và đóng góp trực tiếp để hoàn thành mục đích và mục tiêu của tổ chức.

Quản lý trường đại học phải dựa vào bốn nguồn lực là nguồn lực con người, nguồn lực tài chính, nguồn lực vật chất và nguồn lực thông tin (NLTT) để đảm bảo chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, cung ứng dịch vụ xã hội. NLTT góp phần quan trọng trong việc xây dựng nguồn lực nhà trường, tác động mạnh mẽ đến chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học trong trường đại học. Quản lý NLTT là nội dung quan trọng của quản lý giáo dục ở các cấp vĩ mô cũng như vi mô, cần phải được chú ý toàn diện và được coi là một một trong các hoạt động quản lí của

* NCS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

trường đại học.

Sứ mạng cơ bản của giáo dục đại học là phải vượt lên trên sự chuyển giao tri thức giữa thầy và trò, sinh viên phải học cách khám phá và kiến tạo tri thức thông qua việc tự học, tự nghiên cứu. Trong trường đại học, quản lý hiệu quả nguồn lực thông tin trong TV đóng vai trò góp phần nâng cao chất lượng nhà trường, đổi mới phương pháp dạy – học, đổi mới phương thức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ. Hệ thống TV, giáo trình, tài liệu là một trong những tiêu chí để đánh giá trong kiểm định chất lượng trường đại học. Kiểm định chất lượng xem xét yếu tố đầu vào (trong đó có chỉ số về số lượng sách trong TV) đồng thời chú trọng yếu tố đầu ra (bao nhiêu đầu sách trong TV có nội dung mới và cập nhật, phù hợp với các chương trình đào tạo và mức độ sử dụng các sách đó)

Vì vậy, có thể nói chất lượng của NLTT TV là một trong các yếu tố thể hiện chất lượng của đại học. Quản lý hiệu quả NLTT trong TV đại học đáp ứng được nhu cầu thông tin cho cán bộ, giảng viên, sinh viên và đạt được mục tiêu của trường đại học.

2. Một số khái niệm cơ bản

2.1. Nguồn lực thông tin trong thư viện

Có rất nhiều ý kiến khác nhau về NLTT. Song cho đến nay, nội hàm của khái niệm NLTT vẫn chưa xác định rõ ràng. Tài liệu hướng dẫn của UNESCO¹¹ định nghĩa: “NLTT bao gồm các dữ liệu thể hiện dưới dạng văn bản, số, hình ảnh hoặc âm thanh được ghi lại trên phương tiện theo quy ước và không theo quy ước,

các sưu tập, những kiến thức của con người, những kiến thức của tổ chức và ngành công nghệ thông tin”.

Theo tác giả Lê Văn Việt², nội hàm của thuật ngữ này vẫn chưa được thống nhất: “Có người cho rằng nó tương đương như vốn tài liệu trong các cơ quan thông tin, TV. Người khác lại đưa ra quan điểm NLTT không chỉ bao hàm các nguồn lực về tài liệu mà còn gồm các thành phần khác như tài liệu thông tin, nhân lực thông tin... Có người lại đồng nghĩa nó với nguồn tin”.

Trong thực tiễn hiện nay thì nhiều nhà quản lý, cán bộ thông tin TV có thói quen sử dụng “NLTT” để chỉ các dạng tài liệu khác nhau. Tác giả Phạm Văn Vu³ nhận định: “Ở đây NLTT là loại tài sản cố định đặc biệt, càng được khai thác sử dụng thì càng giàu thêm mà không hề bị hao mòn mất mát đi. Trong đó việc đầu tư bảo quản và tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác sử dụng các nguồn tin như tổ chức kho lưu trữ, bảo quản, xây dựng các mục lục, các cơ sở dữ liệu chính là làm tăng giá trị sử dụng của vốn tài sản cố định đó”.

Theo chúng tôi, NLTT trong TV là bộ sưu tập có hệ thống các tài liệu, thông tin phù hợp với chức năng, loại hình và đặc điểm của TV. NLTT trong TV được hiểu là toàn bộ những giá trị thông tin, toàn bộ vốn tài liệu mà TV đang sở hữu, nhằm mục đích cung cấp thông tin khi người dùng tin yêu cầu và phục vụ tối đa những yêu cầu đó. NLTT bao hàm cả tiềm lực thông tin và khả năng với tới các nguồn tin khác nhau. Theo nghĩa này, tất cả các nguồn thông tin có trong sở hữu

của TV hoặc TV có thể tiếp cận đều có thể gọi là NLTT.

2.2. Quản lý nguồn lực thông tin trong thư viện đại học

Khái niệm quản lý NLTT bắt nguồn từ giữa những năm 70 của thế kỷ XX. Tác giả Barbara Hemphill⁴ cung cấp cái nhìn tổng thể về quản lý toàn bộ vòng đời của thông tin, từ việc tạo ra cho đến việc phổ biến, thu được hoặc hủy bỏ nhằm tối đa hóa hiệu quả nói chung của thông tin, cải tiến việc cung cấp dịch vụ và đạt được mục tiêu quản lý.

Trong nghiên cứu của mình, Polley Ann McClure⁵ đã thực hiện các vấn đề sau: (1) Phân tích mối quan hệ liên quan đến việc quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và dịch vụ hỗ trợ các thao tác hiệu quả, truyền tải, lưu trữ và sử dụng thông tin đó trong khuôn viên trường đại học; (2) Cung cấp thông tin cho các nhà quản lý về cách lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá và điều chỉnh chiến lược.

Quản lý NLTT là kỹ thuật quản lý nhằm chia sẻ nguồn thông tin. Quản lý NLTT bao gồm các nội dung sau: (1) Xác định nguồn thông tin; (2) Phân loại và đánh giá thông tin được cung cấp; và (3) Cách thức phân loại, đánh giá xử lý và lưu trữ nguồn thông tin⁶.

Tác giả Tim Bryce cho rằng quản lý NLTT được hiểu khá đơn giản, đó là việc chọn lọc, kiểm soát tất cả các nguồn lực cần thiết để đáp ứng nhu cầu thông tin¹¹.

Theo giáo trình *Quản lý nguồn lực thông tin* của các tác giả Bộ môn Quản trị Thông tin Thư viện thuộc Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Cần Thơ, biên soạn dựa trên giáo trình

Information Resource Management của Trường Đại học Victoria, New Zealand, có 2 khái niệm để chỉ quản lý NLTT trong TV, đó là quản lý nguồn tài liệu và quản lý NLTT.

▪ *Quản lý nguồn tài liệu (Resource Management) bao gồm*

- Sắp xếp để tiếp cận (Access arrangements);
- Trao đổi và hợp tác (Communication và coordination);
- Xây dựng chính sách và kế hoạch (Planning and policy formulation);
- Kiểm tra và đánh giá nguồn tài liệu (Monitoring and evaluation of resources);
- Thanh lọc tài liệu (deselection of materials);
- Chia sẻ nguồn tài liệu (Resource sharing and networking).

▪ *Quản lý nguồn lực thông tin (information resource management)*

- Gồm cả tài liệu vật chất mua (sách, ấn phẩm định kỳ và tài liệu nghe nhìn) cũng như nguồn tài liệu do tổ chức tạo ra;
- Trọng tâm là quản lý dữ liệu và tài liệu;
- Hiện nay đang tiến gần đến khái niệm quản lý tri thức khi mà các cơ quan quản lý các tri thức nổi và tri thức ngầm của họ.

Các tác giả Bruce R. Lewis, Charles A. Snyder, R. Kelly Rainer⁷ xem xét việc quản lý NLTT bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, phân bổ ngân sách, chỉ đạo, giám sát và kiểm tra con người, ngân sách, kỹ thuật và các hoạt động đi cùng với việc bổ sung lưu trữ xử lý và phân phối dữ liệu để đáp ứng nhu cầu của một tổ chức.

Theo chúng tôi, quản lý NLTT trong

TV đại học là sự kết hợp giữa việc lập kế hoạch, đánh giá, xử lý thông tin, sử dụng hiệu quả nhất NLTT (bao gồm nguồn tài liệu trong TV và nguồn tài liệu có thể truy cập từ bên ngoài), kinh phí đầu tư, phương tiện trang thiết bị, cơ sở vật chất và sự phát huy tốt nhất khả năng của con người để đạt tới mục tiêu chung của trường đại học và mục tiêu riêng của mỗi người.

2.3. Quản lý hiệu quả nguồn lực thông tin trong thư viện đại học

Peter Clayton và G. E. Gorman⁸ định nghĩa quản lý NLTT trong TV như một quá trình tổng hợp thông tin, hợp tác giao tiếp, hình thành chính sách, đánh giá và hoạch định. Quản lý NLTT bao gồm các quyết định phù hợp để phát triển nguồn tài liệu, thanh lý, lưu trữ, bảo quản và trách nhiệm tổ chức, khai thác các NLTT. Cũng trong nghiên cứu này, tác giả đã phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý NLTT như việc xây dựng chính sách phát triển, nguồn kinh phí, sự hợp tác, chia sẻ NLTT... Đáng chú ý là phần trình bày đề cập 2 phương pháp đánh giá nhằm tìm ra điểm mạnh, điểm yếu của NLTT, xác định nhu cầu thông tin của bạn đọc để xây dựng chính sách phát triển NLTT phù hợp và quản lý NLTT hiệu quả: Phương pháp lấy NLTT làm trung tâm (dựa trên sự thích ứng và hữu ích của các nguồn tài liệu) và phương pháp lấy việc sử dụng và người dùng làm trung tâm (do nguồn thông tin được tạo ra cho bạn đọc sử dụng, sự thích hợp và hữu dụng của nguồn tài liệu này chỉ có thể đánh giá bằng cách đếm tần suất sử dụng của tài liệu hay thông qua các phản hồi của bạn đọc).

Các tác giả Joseph Branin, Frances Groen, Suzanne Thorin⁹ cho rằng 3 vấn đề quan trọng ảnh hưởng lớn đến việc quản lý hiệu quả NLTT là:

- Việc phát triển nhanh chóng của GDDH, sự gia tăng của các NCKH và nguồn tài liệu của TV;
- Sự chuyển đổi từ quan điểm phát triển NLTT sang quản lý NLTT;
- Các nỗ lực tập hợp NLTT trên tinh thần hợp tác, chia sẻ.

Nghiên cứu của Pao-Nuan Hsieh, Pao-Long Chang và Kuen-Horng Lu¹⁰ đã xem xét các công cụ quản lý chất lượng phát triển trong 5 thập kỉ qua. Các phương pháp và kĩ thuật quản lý chất lượng được phát triển và ứng dụng để đánh giá và cải thiện chất lượng dịch vụ thông tin của TV. Gessesse Kebede¹¹ cho rằng xu hướng các định dạng truyền thông thông tin (sách và phim) đã ngày càng được thay thế và bổ sung bằng các thông tin điện tử thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin là vấn đề mà các TV đại học phải chú trọng để phát triển NLTT trong thế kỉ XXI.

Do tài liệu đề cập vấn đề “quản lý hiệu quả NLTT trong TV đại học” còn hạn chế, các nghiên cứu chưa sâu, nên đề có thêm một kênh thông tin đáng tin cậy, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn 5 chuyên gia, đó là những người đang làm quản lý các TV đại học tại Hà Nội và TPHCM, về vấn đề quản lý hiệu quả NLTT trong TV đại học.

Kết quả đạt được của các cuộc phỏng vấn chuyên gia này là làm rõ quan điểm về quản lý hiệu quả NLTT trong TV đại học, những điểm mạnh và điểm yếu trong việc quản lý NLTT tại TV đại học

hiện nay, các yếu tố ảnh hưởng đến việc quản lý hiệu quả NLTT và đề xuất ý kiến để nâng cao hiệu quả quản lý NLTT trong TV đại học.

Nguyễn Thị Hồng Trang¹² xem xét khái niệm quản lý hiệu quả NLTT như sau: “Quản lý hiệu quả NLTT trong TV đại học được hiểu bằng việc xây dựng hệ thống các chính sách, kế hoạch, đánh giá, xử lý thông tin, phổ biến và phục vụ thông tin trong toàn bộ dây chuyền thông tin từ liệu thông qua việc sử dụng có hiệu quả các phương tiện, thiết bị, cơ sở vật chất và nguồn nhân lực trong TV đại học để đem lại hiệu quả cao nhất việc khai thác và sử dụng thông tin của tổ chức và cá nhân”. Cũng cùng quan điểm này, Nông Ngọc Yên¹³ cho rằng “Quản lý NLTT bao gồm nhiều khâu, nhiều việc. Để việc quản lý có hiệu quả thì phải làm tốt các khâu đó: Nghiên cứu người dùng tin, chính sách bổ sung tài liệu, chọn tài liệu bổ sung, thanh lọc và đánh giá. Bên cạnh đó phải quản lý tốt nguồn kinh phí được cấp. Quản lý tốt khâu quảng bá NLTT đến người dùng tin”. Bày tỏ quan điểm của mình, Lê Văn Hiếu¹⁴ xem xét: “Quản lý hiệu quả NLTT trong TV đại học là quá trình hoạt động thông tin của TV nhằm mục đích cung cấp cho người sử dụng thông tin một cách nhanh chóng, kịp thời, thỏa mãn được nhu cầu thông tin của họ”.

Theo chúng tôi, tính hiệu quả trong quản lý NLTT thể hiện ở những điểm sau:

- Tối ưu việc sử dụng: tài liệu, sản phẩm và dịch vụ của TV;
- Tối ưu nguồn đầu tư: chi phí đầu tư vào NLTT tương xứng với giá trị mang lại. NLTT giúp nâng cao chất lượng

giảng dạy, học tập, nghiên cứu thể hiện qua các chỉ số đo lường cụ thể (mức độ sử dụng NLTT của người dùng tin để biên soạn bài giảng, thực hiện bài tập, nghiên cứu khoa học và công bố công trình, mức độ đáp ứng với nhu cầu xã hội của sinh viên sau khi tốt nghiệp);

- Tối ưu nguồn từ bên ngoài: tận dụng được các nguồn miễn phí hoặc sử dụng nguồn đang có để chia sẻ, trao đổi phục vụ cho mục tiêu của trường, đáp ứng nhu cầu thông tin của người sử dụng.

3. Nội dung của quản lý nguồn lực thông tin

Gary D. Blass cho rằng quản lý NLTT bao gồm: việc quản lý phạm vi rộng các NLTT, ví dụ như tài liệu dạng in, thông tin điện tử, và microforms; các công nghệ và thiết bị khác nhau để thao tác các nguồn lực này; những người tạo ra, tổ chức và phổ biến thông tin¹⁵.

Sheila Creth¹⁶ trong bài viết về đề tài này đã nêu nội dung của quản lý NLTT trong các TV đại học bao gồm: lựa chọn tài liệu, thanh lý, bảo quản, liên lạc với GV và các khoa, đào tạo người dùng tin, trách nhiệm tài chính, và phát triển chính sách.

Paul Mosher¹⁷, trưởng phòng phát triển NLTT ở trường đại học Stanford đã phát biểu về nguyên tắc chủ đạo của quản lý NLTT là phải vượt ra khỏi việc phát triển vốn tài liệu theo kiểu truyền thống (chỉ chú trọng đến bổ sung, chọn lựa và xây dựng nguồn tài liệu) sang một tầm nhìn mới của quản lý NLTT bao gồm các phạm vi rộng hơn về việc phát triển chính sách, phân bổ kinh phí, chọn lựa, phân tích, sử dụng nguồn thông tin và nghiên cứu người dùng tin, đào tạo cán bộ phát

triển và quản lý nguồn thông tin, các hoạt động mang tính hợp tác.

Eugene J. Rathswohl¹⁸ đã đề nghị nội dung của việc quản lý NLTT nên tập trung nhiều hơn đến đích cuối cùng là người dùng tin, không phải là đến kỹ thuật thông tin. Để làm được điều này, nên chú ý đến việc đào tạo các kỹ năng nhận biết thông tin cho người dùng để họ có thể sử dụng nguồn thông tin một cách hiệu quả.

Chúng tôi hoàn toàn thống nhất với quan điểm về nội dung quản lý NLTT bao gồm việc phát triển chính sách, phân bổ kinh phí, xử lý nguồn thông tin, nghiên cứu nhu cầu của người dùng tin, quản lý hoạt động khai thác, sử dụng, hợp tác chia sẻ NLTT, đào tạo cán bộ và nội dung của việc quản lý NLTT nên tập trung nhiều hơn đến đích cuối cùng là người sử dụng.

4. Đánh giá về quản lý nguồn lực thông tin trong thư viện đại học Việt Nam

Nghị quyết số 05-NQ/BCSB ngày 06-01-2010 của Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo về đổi mới quản lý giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2010-2012 đã chỉ rõ: “TV các trường còn nghèo, giáo trình tài liệu chưa đáp ứng yêu cầu cả về số lượng và chất lượng”. Hội nghị TV các trường đại học, cao đẳng lần thứ nhất do Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức tại Thành phố Đà Nẵng (10-2008), đã nhận định: “TV các trường đại học đang phải đối diện với nhiều cơ hội và thách thức trong quá trình hội nhập, những khó khăn tập trung vào: NLTT còn nghèo nàn, cần được tăng

cường; công nghệ phát hiện tài nguyên thông tin hiện đại, quy trình và nghiệp vụ quản lý chưa được thống nhất và chuẩn hóa. Bên cạnh đó, sự phối hợp liên kết, liên thông giữa các TV còn yếu nên chưa tạo ra được một sức mạnh tập trung”.

Nhận định về việc quản lý NLTT trong các TV đại học hiện nay, Nguyễn Hồng Sinh¹⁹ cho rằng: “Các TV đại học hiện nay đều ý thức được các yêu cầu đặt ra đối với NLTT và có những hiểu biết cơ bản về cách thức quản lý NLTT. Nếu quan sát thì có thể nhận định rằng phần lớn TV đại học tại TPHCM đã thực hiện được các hoạt động cơ bản trong quản lý NLTT của mình... Tuy nhiên, khả năng thiết kế và năng lực thực hiện các biện pháp cụ thể đảm bảo và nâng cao tính hiệu quả của NLTT cho đơn vị của mình thì còn là thách thức quá lớn đối với hầu hết các TV đại học”. Nguyễn Thị Thanh Thủy²⁰ đánh giá: “Quản lý NLTT của các TV đại học chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu thông tin nghiên cứu cho cán bộ, giảng viên, sinh viên trong công tác NCKH của nhà trường... Các TV chưa khai thác triệt để những thông tin có giá trị. Công tác Marketing chưa được thực sự chú trọng và quan tâm nên hiệu quả rất thấp”. Nguyễn Hồng Trang cho rằng: “Các TV đại học hiện nay chưa có một quy định chuẩn chung về việc quản lý NLTT cũng như chưa có một quy chế kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động của TV đại học. Chính vì vậy việc quản lý NLTT ở mỗi TV đại học đều có sự riêng biệt, độc lập trong chính sách, kế hoạch, đánh giá, xử lý, bảo quản và phổ biến thông tin khác nhau”.

Nhật xét về các yếu tố tác động tới

việc quản lý hiệu quả NLTT trong TV đại học, Nguyễn Hồng Sinh xác định các yếu tố như: trình độ và năng lực của nhân sự, chiến lược đầu tư phát triển của trường đại học đối với NLTT và tập quán và nhu cầu của người dùng tin; Nguyễn Thị Thanh Thủy đề cập: sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ, sự bùng nổ thông tin, yêu cầu đổi mới giáo dục đại học; Nông Ngọc Yến đưa ra các yếu tố: kinh phí, chủ trương chính sách của Ban giám hiệu nhà trường, Ban lãnh đạo TV, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, đội ngũ nhân viên và người dùng tin.

Những năm qua, được sự quan tâm, đầu tư của Nhà nước, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hoạt động thông tin - TV của các trường đại học đã có nhiều đổi mới và chuyển biến mạnh mẽ, phục vụ đắc lực cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học. Nhìn chung, các TV đại học đã có phương thức quản lý NLTT khoa học theo hướng hiện đại hóa, tận dụng khá tốt các điều kiện, kinh phí hiện có để đáp ứng nhu cầu cơ bản của bạn đọc và bước đầu thực hiện được việc liên kết chia sẻ NLTT. Bên cạnh những thành quả đạt được, hệ thống TV của các trường đại học hiện nay còn nhiều hạn chế như: NLTT vẫn chưa đáp ứng với nhu cầu ngày càng đa dạng của người sử dụng; quy trình và nghiệp vụ quản lý chưa thống nhất và chuẩn hóa; chưa khai thác triệt để hiệu quả NLTT; khả năng tối ưu hóa việc sử dụng NLTT và năng lực cán bộ TV còn hạn chế; chưa xây dựng chiến lược phát triển NLTT dài hơi; cơ chế hợp tác, chia sẻ NLTT chưa thống nhất, sự phối hợp liên kết; liên thông giữa các TV còn yếu; công tác kiểm tra, đánh giá chất

lượng NLTT chưa được thực hiện thường xuyên.

5. Kết luận

Việc quản lý hiệu quả NLTT trong các TV trường đại học góp phần cực kỳ quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục, vì vậy phải xem đó là một phần trong hoạt động quản lý các nguồn lực của nhà trường.

Để quản lý hiệu quả NLTT trong TV đại học, cần chú trọng đến các nội dung như xây dựng chính sách phát triển, có quy chế quản lý phù hợp, thực hiện đầy đủ và hiệu quả các nguyên tắc quản lý đề ra, thường xuyên nghiên cứu điều tra xác định nhu cầu thông tin, thiết lập các quy trình quản lý NLTT chặt chẽ được kiểm tra thường xuyên, đánh giá NLTT, cải tiến dịch vụ thông tin, xu hướng phát triển của NLTT và xác định yêu cầu quản lý NLTT trong thời đại mới.

Bên cạnh đó, việc nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý NLTT, liên kết chia sẻ NLTT giữa các TV đại học và trung tâm thông tin, tăng cường áp dụng công nghệ thông tin và kinh phí đầu tư cũng góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng quản lý NLTT trong TV đại học.

6. Kiến nghị

6.1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

Xây dựng đề án phát triển TV cho hệ thống các trường đại học. Đề án này cần được đánh giá có tầm quan trọng ngang tầm với đề án đào tạo 20.000 tiến sĩ cho các trường đại học.

Lập kế hoạch xây dựng mạng liên kết các cơ sở dữ liệu của các TV đại học để chia sẻ NLTT với nhau, tạo điều kiện cho người sử dụng khai thác tối đa nguồn

thông tin có sẵn.

Có chính sách ưu tiên cho TV được sử dụng, khai thác các sản phẩm thông tin từ nhiều kênh, nhiều nguồn khác nhau trên mạng internet với chi phí ưu đãi để TV có điều kiện tạo ra nhiều sản phẩm, dịch vụ thông tin có chất lượng cao.

Tăng cường kinh phí dành cho các trường đại học để xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao NLTT, bổ sung trang thiết bị hiện đại. Tách thành hạng mục riêng cấp cho TV khi phân bổ kinh phí cho các trường đại học. Tránh tình trạng kinh phí được cấp phụ thuộc chủ quan của một số cá nhân.

Mở rộng hạng mục trong chương trình mục tiêu, bao gồm cả việc mua tài liệu, giáo trình, cơ sở dữ liệu điện tử... cho TV đại học.

6.2. Đối với trường đại học và thư viện

Nâng cao vai trò của TV, phải có những đổi mới cơ bản về nhận thức, đầu tư phát triển TV, xây dựng chính sách mang tính pháp lý, quản lý thống nhất.

Có quy chế quản lý phù hợp, thực hiện đầy đủ và hiệu quả các nguyên tắc quản lý đề ra. Cần có quy định cụ thể cấp bao nhiêu phần trăm từ kinh phí của Nhà nước, bao nhiêu phần trăm từ các nguồn kinh phí khác để đầu tư cho TV. Đó phải là một hạng mục chi tiêu chính thức và tương đối lớn trong ngân sách của nhà trường.

Xây dựng chiến lược phát triển NLTT đáp ứng mục tiêu của Trường dựa vào 2 yếu tố: cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn. Đối với cơ sở thực tiễn, cần bám sát theo các ngành đào tạo, các diện chủ đề, đề tài nghiên cứu khoa học của các khoa, ngành, bộ môn trong trường; xác định

hướng phát triển của TV; khả năng tài chính (nguồn ngân sách và nguồn vốn tự có, nguồn tài trợ từ các tổ chức trong và ngoài nước), số lượng cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên trong trường...

Tăng cường kinh phí đầu tư NLTT cho TV đại học. Việc tăng kinh phí dành cho quản lý, phát triển NLTT đồng nghĩa với việc TV tăng khả năng đáp ứng nhu cầu thông tin cho người dùng tin.

Cải tiến dịch vụ cung cấp thông tin, đa dạng hóa các sản phẩm thông tin. Sản phẩm và dịch vụ thông tin TV là công cụ cơ bản, hữu hiệu thỏa mãn nhu cầu của người dùng tin. Sản phẩm và dịch vụ thông tin đa dạng, phong phú, có chất lượng sẽ giúp người dùng tin tìm kiếm nhanh chóng và khai thác hiệu quả NLTT.

Đánh giá, kiểm tra chất lượng NLTT và tìm hiểu nhu cầu thông tin định kì, thường xuyên. Thực hiện đánh giá theo định kì NLTT hiện có tại TV thông qua các phương pháp khảo sát ý kiến của người dùng tin, thống kê tần suất khai thác, phân tích các yêu cầu thông tin trong quá trình phục vụ... để xác định những điểm mạnh và hạn chế của NLTT này, từ đó có thể điều chỉnh kịp thời công tác phát triển NLTT.

Tăng cường hợp tác, liên kết, chia sẻ. Hợp tác TV và chia sẻ NLTT được xem như nhân tố quan trọng của phát triển, bởi vì nó là hình thức để các TV đáp ứng nhu cầu của người dùng tin khi NLTT của mỗi TV riêng lẻ không đáp ứng được, đặc biệt là nhu cầu ngày càng đa dạng về thông tin trong thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay.

- ¹ UNESCO (1998), *Chính sách thông tin quốc gia, Tài liệu hướng dẫn của UNESCO về việc xây dựng, phê duyệt và vận hành chính sách thông tin quốc gia, Tài liệu dịch – Trung tâm Thông tin – Tư liệu KH&CN Quốc gia, Hà Nội, tr.6.*
- ² Lê Văn Việt (2006), *Thư viện học: những bài viết chọn lọc*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr.163.
- ³ Phạm Văn Vu (1995), “Sản phẩm thông tin khoa học và vấn đề tiếp cận thị trường”, *Tạp chí Thông tin và Tư liệu*, (3), tr.1-15.
- ⁴ Barbara Hemphill (2010), “*Effective information management is the key*”, *Supervision*; Nov2010, Vol.71 Issue 11, p15.
- ⁵ Polley Ann McClure(2003), *Organizing and Managing information Resources on your campus*, Educause Publishing, ISBN-10: 0787966657
- ⁶ <http://www.businessdictionary.com/definition/information-resources-management-IRM.html>
- ⁷ Bruce R. Lewis, Charles A. Snyder, R. Kelly Rainer (1995), “An empirical assessment of the information resource management construct”, *Management Information Systems*, Volume 12, p.199-223, ISSN:0742-1222.
- ⁸ Peter Clayton and G. E. Gorman (2001), *Managing information resources in libraries: collection management in theory and practice*, Library Association Publishing, p.17, ISBN 1856042979.
- ⁹ Joseph Branin, Frances Groen, Suzanne Thorin(2002), *The Changing Nature of Collection Management in Research Libraries*, Library Resources and Technical Services, Vol.44, no.1 (2000): 23-32.ISSN: 0024-2527.
- ¹⁰ Pao-Nuan Hsieh, Pao-Long Chang và Kuen-Horng Lu (2000), *Quality Management Approaches in Libraries and Information Services*, Libri. Vol.50, Issue 3, p.191–201, ISSN 0024-2667.
- ¹¹ Gessesse Kebede (2000), *Collection development and management in the twenty-first century with special reference to academic libraries: an overview*, Library Management, Vol.21 Iss: 7, p.365 – 372.
- ¹² Nguyễn Hồng Trang, Thạc sĩ, Phó Giám đốc Thư viện Đại học Sư phạm Hà Nội.
- ¹³ Nông Ngọc Yến, Thạc sĩ, Phó Giám đốc Thư viện Đại học Kinh tế TPHCM.
- ¹⁴ Lê Văn Hiếu, Thạc sĩ, Phó Giám đốc Thư viện Đại học Sư phạm TPHCM.
- ¹⁵ Gary D. Blass (1991), *Finding Government Information: The Federal Information Locator System (FILS)*, Government Information Quarterly, JAI Press, Inc., Greenwich, Connecticut, Vol.8, No.1, p.11-32.
- ¹⁶ Sheila Creth (1991), “The Organization of Collection Development: A Shift in the Organization Paradigm”, *Journal of Library Administration*, Vol.14, Issue 1, p.67-85.
- ¹⁷ Paul Mosher (1986), *Collection Management and Development Institute*, In Coordinating cooperative collection development: A national perspective, edited by Wilson Luquire, 21–35, New York, NY: Haworth Press.
- ¹⁸ Eugene J. Rathswohl (1990), “Information Resource Management And The End User: Some Implications For Education”, *Information Resources Management Journal*, Vol.3, Issue 3, p.6.
- ¹⁹ Nguyễn Hồng Sinh, Tiến sĩ, Phó Giám đốc Thư viện Trung tâm Đại học Quốc gia TPHCM.
- ²⁰ Nguyễn Thị Thủy, Thạc sĩ, Giám đốc Thư viện Đại học Công nghiệp TPHCM.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Duy Hiệp (2011), “Chia sẻ nguồn lực thông tin trong hệ thống thư viện các trường đại học ở Việt Nam”, Kì yếu *Hội thảo Một chặng đường đào tạo thông tin thư viện*, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.198-209.
2. Nguyễn Hữu Hùng (1995), “Vấn đề phát triển nguồn lực thông tin trong bối cảnh công nghệ thông tin mới”, *Thông tin và Tư liệu*, (2), tr.11-14.
3. Vương Thanh Hương (2003), *Một số biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin quản lý giáo dục phổ thông*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Hà Nội.
4. Ninh Thị Kim Thoa (2010), “Vai trò của quản lý chất lượng trong thư viện đại học Việt Nam”, *Tạp chí Thư viện*, tr.3-7.
5. UNESCO (1998), *Chính sách thông tin quốc gia: Tài liệu hướng dẫn của UNESCO*

- về việc xây dựng, phê duyệt và vận hành chính sách thông tin quốc gia, tài liệu dịch, Trung tâm Thông tin – Tư liệu khoa học và công nghệ quốc gia, Hà Nội.
6. Lê Văn Việt (2000), “Phác thảo sơ bộ chính sách về nguồn lực thông tin”, *Tạp san Thư viện*, Thư viện Quốc gia, Hà Nội, (3), tr.6-9.
 7. Phạm Văn Vu (1995), “*Sản phẩm thông tin khoa học và vấn đề tiếp cận thị trường*”, *Tạp chí Thông tin và Tư liệu*, (3), tr.1-15.
 8. Barbara Hemphill (2010), *Effective information management is the key*, Supervision; Nov 2010, Vol.71 Issue 11, p.15.
 9. Bruce R. Lewis, Charles A. Snyder, R. Kelly Rainer (1995), “An empirical assessment of the information resource management construct”, *Management Information Systems*, Vol.12, p.199-223. ISSN:0742-1222.
 10. Eugene J. Rathswohl (1990), “Information Resource Management And The End User: Some Implications For Education”, *Information Resources Management Journal*, Vol.3, Issue 3, p.6.
 11. Gary D. Blass (1991), *Finding Government Information: The Federal Information Locator System (FILS)*, Government Information Quarterly, JAI Press, Inc., Greenwich, Connecticut. Vol.8, No.1, p.11-32.
 12. Gessesse Kebede (2000), *Collection development and management in the twenty-first century with special reference to academic libraries: an overview*, Library Management, Vol.21 Iss:7, p.365-372.
 13. Joseph Branin, Frances Groen, Suzanne Thorin (2002), *The Changing Nature of Collection Management in Research Libraries*, Library Resources and Technical Services, Vol.44, no.1 (2000): 23-32. ISSN: 0024-2527.
 14. Pao-Nuan Hsieh, Pao-Long Chang, Kuen-Horng Lu (2000), “*Quality Management Approaches in Libraries and Information Services*”, Libri. Vol.50, Issue 3, p.191–201, ISSN (Print) 0024-2667.
 15. Paul Mosher (1986), *Collection Management and Development Institute*, In Coordinating cooperative collection development: A national perspective, edited by Wilson Luquire, 21–35, New York, NY: HaworthPress.
 16. Peter Clayton and G. E. Gorman (2001), *Managing information resources in libraries: collection management in theory and practice*, Library Association Publishing, ISBN 1856042979, p.12.
 17. Polley Ann McClure (2003), *Organizing and Managing information Resources on your campus*, Educause Publishing, ISBN-10: 0787966657.
 18. Sheila Creth (1991), “The Organization of Collection Development:A Shift in the Organization Paradigm”, *Journal of Library Administration*, Vol.14, Issue 1, p.67-85.
 19. Tim Bryce (2007), *What is information resource management*, AIIM E-Doc, No.3, p.46-47.
 20. <http://www.businessdictionary.com/definition/information-resources-management-IRM.html>

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 17-8-2013; ngày phản biện đánh giá: 28-10-2013;
ngày chấp nhận đăng: 25-11-2013)